

Số /BC-SNN

Lai Châu, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
TỔNG KẾT NGÀNH NÔNG NGHIỆP NĂM 2021
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2022

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Sản xuất nông nghiệp năm 2021, sản xuất nông nghiệp trong điều kiện có nhiều khó khăn thách thức: diễn biến phức tạp, kéo dài của đại dịch Covid-19 bùng phát lần thứ tư trong nước ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; thời tiết diễn biến thất thường, mưa đá, gió lốc, nắng nóng kéo dài, dịch tả lợn Châu Phi tái phát ở một số xã, bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò xảy ra ở một số huyện,... gây thiệt hại và ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, cơ sở vật chất và đời sống.

Song được sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, nỗ lực của toàn ngành nông nghiệp và nhân dân, đã quyết tâm thực hiện “mục tiêu kép” vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế; tập trung chỉ đạo sản xuất, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới bằng các hình thức cụ thể, thiết thực tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp năm 2021 đã đạt được kết quả khá, đa phần các chỉ tiêu đạt, vượt so với kế hoạch, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

II. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU

Tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (theo giá so sánh 2010) ước đạt 3.387,3 tỷ đồng (trồng trọt 2.188,8 tỷ đồng; chăn nuôi 668,9 tỷ đồng; thủy sản 112,4 tỷ đồng; lâm nghiệp 386,9 tỷ đồng; dịch vụ nông nghiệp 30,3 tỷ đồng); Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp ước đạt 4,38% (nông nghiệp và dịch vụ có liên quan 5,1%; lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan -1,46%; thủy sản 7,2%). Cơ cấu nội ngành: Nông nghiệp chiếm 64,6%; chăn nuôi, thủy sản 23,1%; lâm nghiệp 11,4%. Như vậy cơ cấu tiểu ngành nông nghiệp năm 2022 tuy có giảm 1,3% nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn; tiểu ngành chăn nuôi thủy sản tuy gặp khó khăn do dịch bệnh nhưng vẫn có sự tăng nhẹ (2,5%); tiểu ngành lâm nghiệp giảm 2,1% do giảm khai thác và thu nhập sản phẩm phụ từ rừng.

1. Các chỉ tiêu về nông nghiệp

a) Trồng trọt

Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, các vùng sản xuất tập trung ngày càng được mở rộng, việc đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được bà con nông dân chú trọng. Năm 2021, bình quân lương thực đầu người ước đạt 476 kg/người/năm. Tổng sản lượng lương thực có hạt 224.000 tấn, đạt 100,9% so với KH, tăng 2.200 tấn so với năm 2020, trong đó:

- Cây lúa: Tổng diện tích 32.297 ha giảm 410 ha so với năm 2020 (do chuyển sang trồng một số loại cây có giá trị kinh tế cao hơn như: cây ăn quả, chè, quế, mắc ca, hoa...), năng suất ước đạt 47,03 tạ/ha, sản lượng ước đạt 151.900 tấn, tăng 3.150 tấn so với năm 2020, đạt 100,7% KH.

- + Lúa đông xuân: Tổng diện tích gieo cấy 6.780 ha, giảm 27 ha so với năm 2020; năng suất ước đạt 55,5 tạ/ha, tăng 5,7 tạ/ha; sản lượng đạt 37.600 tấn, tăng 3.700 tấn, đạt 101,8% KH.

- + Lúa mùa: Diện tích gieo cấy 23.089 ha, đạt 101,5% KH, tăng 175 ha so với năm 2020; năng suất ước đạt 48,4 tạ/ha, sản lượng 111.640 tấn, đạt 102,1% KH.

- + Lúa nương: Diện tích thực hiện 2.427 ha, giảm 558 ha so với năm 2020; năng suất ước đạt 11 tạ/ha, sản lượng đạt 2.660 tấn, đạt 85,8% KH.

- + Cánh đồng sản xuất tập trung: Đã triển khai được 3.500 ha cánh đồng sản xuất tập trung, sử dụng một giống lúa chất lượng như: J02, IR64, Sếng cù, Nếp tan Co Giàng, PC6, Hương thơm số 1..., đạt 100% KH, năng suất ước đạt 51,4 tạ/ha, sản lượng 18.000 tấn, đạt 100% KH.

- Diện tích ngô cả năm 20.490 ha (trong đó: ngô Xuân hè 17.192 ha, ngô Thu đông 3.298 ha), năng suất ước đạt 35,2 tạ/ha, sản lượng 72.100 tấn, đạt 99,3% KH.

- Cây chè: Tổng diện tích chè: 8.620 ha, diện tích trồng mới 818 ha, đạt 111,3% KH. Diện tích chè kinh doanh được nâng lên 6.023 ha, năng suất ước đạt 73,1 tạ/ha; sản lượng chè búp tươi đạt 44.000 tấn, đạt 100% KH.

- Cây cao su: Tổng diện tích cây cao su hiện có là 12.951 ha⁽¹⁾; các công ty và nhân dân tập trung chăm sóc diện tích cao su đã trồng qua các năm, hiện cây cao su sinh trưởng, phát triển tốt và một số diện tích đang trong thời kỳ khai thác; trong năm diện tích đưa vào khai thác mủ 8.238 ha, năng suất ước đạt 10,4 tạ mủ khô/ha/năm; sản lượng ước đạt 8.571 tấn mủ khô, giá trị đạt khoảng 315,4 tỷ đồng. Tiếp tục triển khai xây dựng Nhà máy chế biến mủ cao su tại xã Nậm Tăm huyện Sìn Hồ, đến nay đã hoàn thành xây dựng giai đoạn 1, năm 2022 thực hiện xây dựng giai đoạn 2 để hoàn thành toàn bộ nhà máy.

⁽¹⁾ Giảm do người dân tại huyện Phong Thổ đã phá bỏ 35 ha cao su tiểu điền (tự trồng) để chuyển sản trồng các cây trồng khác như: cây ăn quả, quế...

- Diện tích cây ăn quả ngày càng được mở rộng với các loại cây như chuối, chanh leo cây ăn quả ôn đới, cây ăn quả có múi... Tổng diện tích cây ăn quả ước đạt 8.292 ha, sản lượng ước đạt 54.000 tấn, đạt 100% KH, trong đó diện tích trồng mới ước đạt 585 ha, đạt 100% KH.

1.2. Chăn nuôi thú y, thủy sản

a) Về chăn nuôi:

Năm 2021, trong bối cảnh tiếp tục bị ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19 trên cả nước, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tái phát, bệnh viêm da nổi cục ở trâu, bò xuất hiện trên địa bàn tỉnh, giá thịt lợn hơi tăng trong những tháng đầu năm, có thời điểm do cầu thị trường giảm giá lợn xuống dưới 40 nghìn/kg, song đến nay giá đang giao động trong khoảng 50 - 55 nghìn đồng/kg, dự báo giá lợn tăng trở lại trong 2 tháng cuối năm và duy trì ổn định mức giá hợp lý sang năm 2022, do Chính phủ điều hành các chính sách kinh tế vĩ mô linh hoạt; các tổ chức, cá nhân người chăn nuôi hiện đang chịu lỗ vì các chi phí đầu tư, chăn nuôi cao, tuy nhiên giá thịt lợn bán cho người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh chưa giảm tương ứng với giá bán lợn hơi.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 14 trang trại chăn nuôi (đạt tiêu chí theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT), 05 HTX hoạt động chăn nuôi, khoảng trên 240 cơ sở chăn nuôi quy mô từ 15 con trâu, bò, ngựa hoặc 50 con lợn, dê hoặc 500 con gia cầm hoặc 300 con thỏ trở lên; có 04 doanh nghiệp chăn nuôi lợn theo hình thức khép kín với quy mô 2.000-4.000 con/lứa (trong đó có 02 doanh nghiệp chăn nuôi theo hình thức liên kết với Công ty C.P với quy mô 2.000-3.000 con/lứa). Ngoài ra, có khoảng 45.050 hộ chăn nuôi trâu bò (trong đó có 30.700 hộ chăn nuôi trâu, bò có chuồng trại kiên cố, bán kiên cố (chiếm khoảng 68,1%); 29.420 hộ có dự trữ thức ăn (chiếm 65,3%)), 43.150 hộ chăn nuôi lợn, 90.900 hộ chăn nuôi gia cầm.

Tổng đàn gia súc trên địa bàn tỉnh ước đạt 377.285 con (tính cả 4.740 con ngựa và 36.330 con dê cừu); riêng đàn gia súc chính đạt 320.100 con (đạt 100,2%/KH), trong đó: Đàn trâu 92.854 con, đàn bò 22.330 con, đàn lợn 204.916 con; tốc độ tăng trưởng đàn gia súc 5%⁽²⁾. Tổng đàn gia cầm 1.607 nghìn con (đạt 100%/KH). Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại 15 nghìn tấn (đạt 109,1%/KH); trong đó thịt lợn 10,5 nghìn tấn (đạt 107,3%/KH), các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chủ yếu xuất bán tiêu thụ nội tỉnh, các trang trại lớn xuất bán ra ngoài tỉnh là 392 con lợn thương phẩm, còn lại tiêu thụ nội tỉnh; lợn nhập từ các tỉnh khác 239 con lợn thương phẩm.

** Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật:*

⁽²⁾ Đàn trâu: tốc độ tăng -0,96% nguyên nhân do nhu cầu sức kéo giảm nên một số trâu bị bán chủ yếu tại huyện Phong Thổ, mặt khác huyện Tam Đường thống kê đàn trâu năm 2019 còn chưa chính xác; Đàn bò: tốc độ tăng 3,02%; Đàn lợn: tốc độ tăng 8,17%, do năm 2021 người dân đã có tái đàn sau dịch Tả lợn 2019-2020.

- Về tình hình dịch bệnh: một số dịch bệnh truyền nhiễm xảy ra trên đàn vật nuôi: Bệnh Lở mồm long móng xảy ra lẻ tẻ trên đàn trâu bò, bệnh Viêm da nổi cục trên trâu bò xuất hiện trên bàn tỉnh, Dịch tả lợn Châu Phi tái phát từ đầu tháng 5. Đến nay, tổng số gia súc nhiễm dịch bệnh là 1.120 con (điều trị khỏi 149 con, chết và tiêu hủy 971 con⁽³⁾). Một số dịch bệnh khác: bệnh Ecoli xảy ra làm 45 con lợn con mắc, chết sau đó đã nhanh chóng được khống chế trong diện hẹp. Ngoài ra, theo báo cáo của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đã có 01 trường hợp người tử vong do bệnh dại tại xã Nậm Khao huyện Mường Tè. Dịch bệnh thủy sản, xảy ra 2 vụ cá chết, ước thiệt hại khoảng 9 tấn cá các loại.

Sở đã tăng cường phối hợp với các huyện, thành phố và chính quyền cơ sở tăng cường kiểm tra, giám sát, triển khai thực hiện các biện pháp cấp bách phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thực hiện nuôi cách ly gia súc bệnh, điều trị triệu chứng lâm sàng, khử trùng khu vực chăn nuôi; không nhập, xuất gia súc, bán chạy gia súc trong thời gian có dịch; kịp thời thông báo khi phát hiện gia súc ốm để có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế sự lây lan của dịch bệnh. Tổ chức lấy mẫu để chẩn đoán, phát hiện mầm bệnh; tiến hành điều tra, xác minh nguyên nhân tại các ổ dịch.

- Về công tác tiêm phòng: Tổng số vắc xin các huyện, thành phố đã cấp đến thời điểm báo cáo là 615.520 liều⁽⁴⁾, tổng số vacxin đã tiêm được 586.068 liều đạt 95%, giảm 13% so với năm 2020 (855.780 liều). Tỷ lệ tiêm vắc xin định kỳ tụ huyết trùng và LMLM trên trâu bò đạt trên 66% tổng đàn; tỷ lệ tiêm vacxin đại chó, mèo đạt 45% tổng đàn⁽⁵⁾, tỷ lệ tiêm vacxin giảm (nhiều nhất ở vắc xin phòng dại và dịch tả lợn), do không có chính sách hỗ trợ mua vacxin, công tiêm phòng, nguồn ngân sách còn hạn chế, còn lại phải thực hiện xã hội hóa, người dân vẫn để gia súc thả rông trên rừng, không đưa về tiêm phòng theo quy định.

- Tiến hành kiểm dịch vận chuyển nhập vào trong tỉnh 310 chuyến với 271.811 con gia súc, gia cầm; kiểm dịch động vật ra khỏi địa bàn tỉnh 15 chuyến với 847 con gia súc đi tỉnh Lào Cai, Tuyên Quang, Bắc Giang, Cao Bằng và Hà Nội. Đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiêu hủy 16.770 kg chân lợn đông lạnh gửi kho ngoại quan không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y. Đồng thời đã thực hiện kiểm tra, KSGM ước đạt 23.922 con gia súc.

⁽³⁾ Bệnh Lở mồm long móng xảy ra tại 02 huyện làm cho 41 con trâu, bò nhiễm bệnh. Hiện nay, toàn bộ trâu, bò mắc bệnh trên đã khỏi về triệu chứng lâm sàng và không phát sinh ca nhiễm mới.

-Bệnh Viêm da nổi cục: xuất hiện từ ngày 27/4/2021, lũy kế đến ngày 22/10/2021 dịch đã xảy ra tại 51 hộ/19 bản, tổ dân phố/14 xã, thị trấn/04 huyện. Tổng số 114 con trâu, bò mắc bệnh, trong đó số chết và tiêu hủy 06 con bò với trọng lượng 942 kg. Đến nay 14 xã, thị trấn/14 xã, thị trấn của 04 huyện trên đã qua 21 ngày không phát sinh ca nhiễm mới, trong đó 7 xã, thị trấn đã công bố hết dịch.

Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: Tái xuất hiện từ ngày 05/5/2021, lũy kế đến ngày 22/10/2021, bệnh đã xảy ra tại 239 hộ/36 bản, tổ khu phố/12 xã, thị trấn/06 huyện. Tổng số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy là 920 con trọng lượng 41.692 kg. Đã có 11/12 xã, thị trấn có ổ dịch đã qua 21 ngày không phát sinh ca nhiễm mới, trong đó có 10 xã đã công bố hết dịch.

⁽⁴⁾ Nhiệt thán 5.235 liều, LMLM 86.382 liều, THT trâu bò 86.322 liều, THT lợn 45.842 liều, dịch tả lợn 57.195 liều, Dại 26.457 liều, Cúm gia cầm 221.825 liều

⁽⁵⁾ Tổng đàn chó trên 60.000 con.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác phòng chống đói rét, dịch bệnh cho vật nuôi, thủy sản tại các huyện thành phố. Đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo người dân thực hiện tốt các biện pháp phòng chống như gia cố chuồng trại, chuẩn bị, dự trữ thức ăn, thuốc phòng bệnh cho gia súc, gia cầm. Tuy nhiên, vụ Đông xuân 2020-2021 có 02 đợt rét đậm, rét hại (07/01-15/01 và 08-09/02/2021) làm chết 189 con gia súc (chủ yếu là trâu, bò già và bê, nghé non dưới 06 tháng tuổi), trong đó: 51 con trâu, 118 con nghé, 07 con bò, 09 con bê và 04 con dê tại 36 xã thuộc 06 huyện (Sìn Hồ 63 con; Phong Thổ 23 con; Nậm Nhùn 14 con; Tân Uyên 47 con; Than Uyên 39 con; Mường Tè 03 con).

b) Về thủy sản:

Diện tích, thể tích và sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2021 vượt so với kế hoạch được giao; diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt 976 ha, đạt 101,04%; Thể tích nuôi cá nước lạnh đạt 20.087 m³, đạt 128% KH; Thể tích nuôi cá lồng ước đạt 134.082 m³⁽⁶⁾. Sản lượng khai thác và nuôi trồng ước đạt năm 2021 đạt 3.300 tấn, đạt 103% so với kế hoạch, trong đó: Sản lượng nuôi cá ao, nuôi cá lồng 2.850 tấn; Sản lượng nuôi cá nước lạnh 170 tấn; Sản lượng khai thác đạt 280 tấn.

Diện tích nước mặt hồ ước đạt 16.630 ha. Toàn tỉnh hiện có khoảng 10.584 tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động nuôi trồng thủy sản, trong đó: Nuôi cá ao 10.362 tổ chức, cá nhân (03 DN, HTX; 10.359 cá nhân); nuôi cá lồng 192 tổ chức, cá nhân (13 DN, HTX; 179 cá nhân); nuôi cá nước lạnh 30 tổ chức, cá nhân (04 DN, HTX; 26 cá nhân).

Trong năm, việc tiêu thụ cá nuôi trong lồng, cá nước lạnh ở một số huyện gặp nhiều khó khăn, do địa lý cách xa, giao thông đi lại không thuận lợi, các vật tư đầu vào phải chịu chi phí cao về cước vận chuyển, khó cạnh tranh với các tỉnh khác dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm còn rất chậm. Đặc biệt vào đợt giãn cách xã hội do Covid-19, cá thương phẩm không xuất bán được, lượng cá tồn (lũy kể từ các tháng trước trong năm) khoảng 195 tấn (cá chiên, lăng, nheo mỹ, rô phi còn tồn khoảng 136 tấn; cá tầm hồi còn khoảng 59 tấn).

2. Công tác bảo vệ và phát triển rừng

a) Công tác phát triển lâm nghiệp:

Công tác phát triển và bảo vệ rừng tiếp tục được thực hiện tốt, diện tích rừng hiện có tiếp tục được bảo vệ nghiêm ngặt, đi đôi với thực hiện trồng mới, khoanh nuôi tái sinh rừng, gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Đến nay, diện tích rừng hiện có trên địa bàn tỉnh ước đạt 479.538 ha (rừng tự nhiên 445.587 ha; rừng trồng 21.000 ha; cây cao su 12.951 ha), đạt 100,6% KH; Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 51%.

⁶ Trên địa bàn tỉnh có 1084 lồng, tập trung tại các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè

- Giám sát, chỉ đạo các Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện thực hiện tốt công tác gieo ươm và chất lượng cây giống để đảm bảo cho kế hoạch trồng mới rừng. Tổng số cây giống đã chuẩn bị phục vụ công tác trồng rừng năm 2021 là 5.681.960 cây các loại.

- Tổng diện tích trồng rừng mới ước đạt 1.804 ha, đạt 109,3% KH, trong đó: Rừng sản xuất 1.504 ha (quế 1.154 ha, gỗ lớn 350 ha); rừng phòng hộ 300 ha (sơn tra 100 ha)⁽⁷⁾. Cây mắc ca đã trồng mới ước đạt 1.830 ha, đạt 122% KH, trong đó: Công ty cổ phần Liên Việt Lai Châu 800 ha, Công ty TNHH Him Lam Lai Châu 250 ha, Công ty TNHH đầu tư phát triển rừng Tây Bắc 11 ha, Công ty An Đức Minh 520 ha, Công ty Phú Thịnh 12 ha, Công ty TNHH HL Mắc Ca Lai Châu 80 ha, TT. Dịch vụ nông nghiệp huyện Tam Đường 157 ha. Nhìn chung phần lớn diện tích rừng mới trồng được các chủ đầu tư thực hiện đúng thời vụ trồng rừng trên địa bàn tỉnh (từ 01/6 đến 31/7/2021), diện tích rừng trồng mới vượt so với chỉ tiêu kế hoạch giao.

- Tổng diện tích cây Mắc ca hiện có trên địa bàn toàn tỉnh đạt 5.595 ha; Tổng diện tích quế 8.294 ha; Tổng diện tích cây sơn tra 2.012 ha.

b) Công tác Bảo vệ rừng:

- Tổ chức cuộc họp tuyên truyền tới 847 lượt thôn, bản với 59.686 lượt người dân tham gia, tuyên truyền đến 22 trường học với 7.912 lượt học sinh tham gia. Ký cam kết bảo vệ rừng, PCCCR đến 12.572 lượt hộ gia đình.

- Tổng số vụ vi phạm đã phát hiện đến nay là 186 vụ⁽⁸⁾, đã xử lý 138 vụ (giảm 40 vụ so với năm 2020). Ngoài ra đã phối hợp tuần tra phát hiện 43 vụ vi phạm (tăng 4 vụ so với năm 2020) trong đó, phá rừng trái pháp luật là 08 vụ, diện tích thiệt hại 0,117 ha; Vi phạm các quy định chung của nhà nước về BVR là 06 vụ; Tàng trữ lâm sản trái pháp luật là 01 vụ; Lấn chiếm rừng 06 vụ; Khai thác rừng trái pháp luật là 14 vụ; Vi phạm khác: 08 vụ.

c) Tình hình thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng:

- Thường xuyên kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng kinh phí chi trả DVMTR tại các huyện, thành phố; đôn đốc các nhà máy thủy điện thực hiện trả tiền DVMTR theo quy định.

- Kế hoạch thu tiền DVMTR năm 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 là 464.488 triệu đồng, đến nay đã thực hiện thu được tổng 231.257 triệu đồng, trong đó: Quỹ Trung ương điều

⁽⁷⁾ Đối với cây quế: Than Uyên 104,11 ha; Tân Uyên 106,66 ha; Phong Thổ 100 ha; Sìn Hồ 267,72 ha; Nậm Nhùn 197,34 ha; Mường Tè 379,6 ha. Cây gỗ lớn: 348,73 ha (huyện Tân Uyên); Trồng rừng phòng hộ: (Tân Uyên 42 ha; Phong Thổ 37 ha; Sìn Hồ 100 ha; Nậm Nhùn 50 ha; Mường Tè 45 ha).

⁽⁸⁾ Phá rừng trái pháp luật: 25 vụ, diện tích thiệt hại: 2,7938 ha. Khai thác rừng trái pháp luật: 08 vụ. Mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật: 59 vụ. Tàng trữ lâm sản trái pháp luật: 39 vụ. Vi phạm quy định về PCCCR gây cháy rừng: 04 vụ. Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ lâm sản: 01 vụ. Vi phạm khác: 02 vụ.

phối 278.957 triệu đồng; Thu nội tỉnh 51.989 triệu đồng; Lãi tiền gửi 311 triệu đồng. Dự kiến thu đến 30/12/2021 đạt 475.289 triệu đồng, đạt 102% KH.

- Đến nay, tổng số tiền đã chi trả DVMTR trong năm 2021 là 475.658 triệu đồng, trong đó: Chi theo kế hoạch năm 2020 là 451.716 triệu đồng (tổng chi KH 2020 là 472.009 triệu đồng); Chi theo kế hoạch năm 2021 là 23.942 triệu đồng (dự kiến số chi kế hoạch năm 2021 đến ngày 31/12 là 260.314 triệu đồng).

Việc chi trả tiền DVMTR năm 2020 cho người dân nhận bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành, tổng diện tích được chi trả 441.104 ha, với đơn giá chi trả bình quân 1 triệu đồng/ha, tổng số hộ được chi trả 79.991 hộ, thu nhập bình quân 5,4 triệu đồng/hộ, đã góp phần giảm bớt khó khăn cho người dân trong điều kiện bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid -19 kéo dài, giúp người dân ổn định cuộc sống; nâng cao ý thức, trách nhiệm về công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Tổ chức tổ chức 08 đợt kiểm tra, giám sát trực tiếp việc chi trả tiền DVMTR năm 2020 của Ban QLRPH các huyện, UBND cấp xã cho người dân bảo vệ rừng tại các huyện, thành phố. Qua đó kịp thời phối hợp giải quyết những thắc mắc của nhân dân để đảm bảo công tác chi trả thực hiện theo đúng quy định. Qua kiểm tra, việc chi trả cơ bản được đảm bảo an toàn, nghiêm túc, một số nơi quá trình chi trả có sự phối hợp của lực lượng công an, ngân hàng, người dân đi nhận tiền thực hiện đeo khẩu trang, rửa tay xịt khuẩn, giữ khoảng cách...

3. Công tác xây dựng nông thôn mới

Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2021 tiếp tục được triển khai thực hiện cả theo chiều rộng và chiều sâu. Công tác tuyên truyền được thực hiện tốt và sâu rộng tới toàn thể các cấp, các ngành và nhân dân. Việc duy trì và nâng cao các tiêu chí được chỉ đạo thực hiện thường xuyên, nhận thức của nhân dân về nông thôn mới ngày càng được nâng lên; cơ sở hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư, công tác phát triển sản xuất, tạo việc làm mới nâng cao thu nhập gắn với xóa đói giảm nghèo được quan tâm; công tác giáo dục đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được đẩy mạnh; cảnh quan môi trường, bộ mặt nông thôn dần được cải thiện đổi mới. Đa số các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM đã duy trì được các tiêu chí theo quy định. Một số xã đã nâng cao được chất lượng một số tiêu chí so với thời điểm công nhận xã đạt chuẩn xã nông thôn mới. Cụ thể kết quả thực hiện 19 tiêu chí năm 2021:

- Về thực hiện 19 tiêu chí NTM: Giao thông (tiêu chí số 2) đạt 67/94 xã; Thuỷ lợi (tiêu chí số 3) đạt 94/94 xã; Điện nông thôn (Tiêu chí số 4) đạt 88/94 xã; Trường học (Tiêu chí số 5) đạt 54/94 xã; Cơ sở vật chất văn hoá (Tiêu chí số 6) đạt 59/94 xã; Cơ sở hạ tầng thương mại (Tiêu chí số 7) đạt 94/94 xã; Thông tin và truyền thông (Tiêu chí số 8) đạt 74/94 xã; Nhà ở dân cư (Tiêu chí số 9) đạt 52/94 xã; Thu nhập (tiêu chí số 10) đạt 24/94 xã; Hộ nghèo (Tiêu chí số 11) đạt 13/94 xã; Lao động có việc làm (Tiêu chí số 12) đạt 94/94 xã; Tổ chức sản xuất

(Tiêu chí số 13) đạt 77/94 xã; Giáo dục và Đào tạo (Tiêu chí số 14) đạt 88/94 xã; Y tế (Tiêu chí số 15) đạt 31/94 xã; Văn hóa (Tiêu chí số 16) đạt 79/94 xã; Môi trường và an toàn thực phẩm (Tiêu chí số 17) đạt 48/94 xã đạt tiêu chí; Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (Tiêu chí số 18) đạt 37/94 xã; Quốc phòng và an ninh (Tiêu chí số 19) đạt 92/94 xã.

- Về kết quả thực hiện bộ tiêu chí NTM: Năm 2021 có thêm 01 xã (Khun Há) đạt chuẩn NTM nâng tổng số xã hoàn thành 19 tiêu chí NTM đạt 39 xã (thấp hơn 03 xã so với KH); Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí đạt 19 xã; Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí đạt 36 xã; Bình quân tiêu chí đạt 15,9 tiêu chí/xã đạt 100% KH.

- Về tình hình thực hiện của các xã đăng ký đạt chuẩn:

Năm 2021, theo kế hoạch được giao có thêm 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả đến nay có 01 xã đã được công nhận đạt chuẩn (xã Khun Há huyện Tam Đường), còn lại 03 xã đang triển khai hoàn thiện các tiêu chí. Dự kiến đến hết năm 2021 các xã không hoàn thành 19 tiêu chí theo quy định và tiếp tục thực hiện trong những năm tiếp theo, cụ thể:

+ Xã Pha Mu huyện Than Uyên: Đến nay xã Pha Mu đạt 18 tiêu chí nông thôn mới: Quy hoạch, Giao thông, Thuỷ lợi, Điện, Trường học, Cơ sở Vật chất văn hoá, Thông tin và Truyền thông, Cơ sở hạ tầng thương mại, Nhà ở dân cư, Hộ nghèo, Lao động có việc làm, Tổ chức sản xuất, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hoá, Môi trường và An toàn thực phẩm, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Quốc phòng và An ninh. Còn 1 tiêu chí thu nhập chưa đạt, vì theo đánh giá sơ bộ và ước đến cuối năm xã Pha Mu có thu nhập bình quân/người/năm đạt 34,5 triệu đồng/người/năm, thấp hơn chuẩn thu nhập 1,5 triệu đồng/người/năm.

+ Xã Sùng Phài thành phố Lai Châu: Đến nay xã Sùng Phài đạt 17 tiêu chí nông thôn mới: Quy hoạch, Giao thông, Thuỷ lợi, Điện, Trường học, Thông tin và Truyền thông, Cơ sở hạ tầng thương mại, Nhà ở dân cư, Hộ nghèo, Lao động có việc làm, Tổ chức sản xuất, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hoá, Môi trường và An toàn thực phẩm, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Quốc phòng và An ninh. Còn 2 tiêu chí chưa đạt là Cơ sở Vật chất văn hoá, Thu nhập, cụ thể: Về tiêu chí cơ sở vật chất văn hoá: Hiện nay xã còn thiếu 3 nhà văn hoá bản; Về tiêu chí thu nhập: ước đến hết năm xã thu nhập bình quân/người/năm chỉ đạt 34,2 triệu đồng, thấp hơn chuẩn thu nhập 1,8 triệu đồng/người/năm.

+ Xã Can Hồ huyện Mường Tè: Đến nay xã đạt 15 tiêu chí nông thôn mới: Quy hoạch, Thuỷ lợi, Trường học, Cơ sở Vật chất văn hoá, Thông tin và Truyền thông, Cơ sở hạ tầng thương mại, Nhà ở dân cư, Hộ nghèo, Lao động có việc làm, Tổ chức sản xuất, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hoá, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Quốc phòng và An ninh. Còn 4 tiêu chí chưa đạt: Giao thông, Điện, Thu nhập, Môi trường, cụ thể: Về tiêu chí Giao thông: Đường trục chính nội đồng mới chỉ đạt 31,11%, để đạt chỉ tiêu này cần cứng hoá 50% (khoảng 1km), hiện xã chưa có nguồn lực để thực hiện; Về tiêu chí Điện: Hiện

nay xã có 461/521 (đạt 88,5%) hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ nguồn điện lưới Quốc gia; còn 59 hộ chưa đạt và dự kiến cuối năm tiêu chí điện không đạt; Tiêu chí thu nhập: Theo kết quả rà soát, đánh giá sơ bộ và dự kiến đến cuối năm thu nhập bình quân/người/năm của xã đạt 32,93 triệu đồng, thấp hơn chuẩn thu nhập 3,07 triệu đồng/người/năm; Về tiêu chí môi trường: Hiện nay việc thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn chưa được thực hiện, chưa có tổ đội thu gom rác, chưa có bãi rác tập trung đảm bảo quy định và dự kiến đến cuối năm 2021 không đạt được tiêu chí này.

4. Công tác phát triển nông thôn

a) Chương trình bố trí dân cư:

- Về di chuyển xen ghép và ổn định tại chỗ cho các hộ ảnh hưởng do thiên tai: Đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện sắp xếp ổn định dân cư cho 86 trong đó bố trí xen ghép 82 hộ và ổn định tại chỗ 04 hộ dân (Huyện: Mường Tè 03 hộ; Nậm Nhùn 46 hộ; Sìn Hồ 23 hộ; Phong Thổ 06 hộ; Tam Đường 01 hộ; Tân Uyên 05 hộ; Than Uyên 02 hộ).

- Đối với các dự án sắp xếp ổn định dân cư tập trung: Kế hoạch vốn giao là 68.936 triệu đồng để triển khai thực hiện 12 dự án, trong đó: 06 dự án chuyển tiếp (03 dự án hoàn thành quyết toán; 03 dự án chuyển tiếp đang thực hiện) và 06 dự án khởi công mới. Đến thời điểm báo cáo đã thực hiện giải ngân 56.940 triệu đồng đạt 83% kế hoạch vốn giao. Dự kiến đến 31/12/2021 sẽ thực hiện và giải ngân 100% vốn kế hoạch vốn giao.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế):

Đôn đốc các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020, kế hoạch thực hiện năm 2021. Nhìn chung nguồn vốn thực hiện các dự án đã góp phần cải thiện đời sống nhân dân, kịp thời phục vụ sản xuất. Tuy nhiên kết quả giảm nghèo chưa bền vững, số hộ tái nghèo và nghèo phát sinh còn cao, nhiều hộ thoát nghèo lại rơi vào hộ cận nghèo. Nhiều dự án đã được triển khai nhưng khả năng nhân rộng còn hạn chế, hiệu quả chưa cao, chưa thực sự lan rộng và trở thành phong trào trong cộng đồng. Bên cạnh đó, năm 2021 vốn không được giải ngân nên các dự án mới không được triển khai, chủ yếu là theo dõi và tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm 2019, 2020.

c) Lĩnh vực Hợp tác xã và kinh tế trang trại:

Đến nay, toàn tỉnh có 152 HTX nông nghiệp, trong đó: 26 HTX tạm ngừng hoạt động; 126 HTX đang hoạt động⁽⁹⁾, ước sẽ thành lập mới thêm được

⁽⁹⁾ gồm 14 HTX trồng trọt; 08 HTX chăn nuôi; 03 HTX lâm nghiệp; 18 HTX thủy sản; 83 HTX nông nghiệp tổng hợp), tăng 27 HTX so cùng kỳ năm 2020 và 38 trang trại theo tiêu chí quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-

12 HTX (đạt 100%) kế hoạch giao theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh. Nhìn chung, số lượng HTX nông nghiệp tuy có tăng, chất lượng hoạt động của nhiều HTX được nâng lên song chưa vững chắc, tỷ lệ HTX hoạt động trung bình, yếu kém còn chiếm tỷ lệ cao. Doanh thu bình quân của HTX NN ước đạt 404 triệu đồng/HTX/năm; Lãi bình quân của 1 HTX ước đạt 20,5 triệu đồng/HTX; thu nhập bình quân của lao động thường xuyên 25,4 triệu đồng/người/năm. Toàn tỉnh có 150 Tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, thu hút 1.200 thành viên tham gia. Doanh thu bình quân của THT ước đạt 270 triệu đồng/THT; Thu nhập của thành viên bình quân THT ước đạt 36,2 triệu đồng/người/năm, Lãi bình quân THT ước đạt 25,7 triệu đồng/THT/năm.

d) Công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn:

Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021 là 7.470 chỉ tiêu, trong đó: Nghề nông nghiệp 5.560 chỉ tiêu; nghề phi nông nghiệp 1.910 chỉ tiêu. Kết quả đã tổ chức mở lớp đào tạo nghề nông nghiệp được 163 lớp với 4.882 chỉ tiêu (đạt 88% kế hoạch, tăng 1.008 chỉ tiêu so với cùng kỳ năm 2020).

Tuy nhiên, công tác điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo nghề của một số huyện còn chưa bám sát nhu cầu thực tế vì vậy trong quá trình triển khai thực hiện một số huyện phải chuyển đổi nghề sau khi có quyết định phê duyệt. Đối tượng tham gia học nghề không đồng đều, chưa nhận thức được việc đào tạo nghề là một nhu cầu, yếu tố cần thiết để đảm bảo cuộc sống. Công tác kiểm tra, giám sát sau đào tạo chưa được quan tâm và chưa được thực hiện thường xuyên. Việc đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại một số huyện, thành phố chưa quan tâm đến đào tạo cho lao động của các doanh nghiệp và hợp tác xã, trang trại.

e) Về phát triển làng nghề:

Hiện toàn tỉnh có 04 làng nghề và 01 nghề truyền thống và hiện nay các huyện, thành phố đang tiến hành rà soát, đánh giá nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

f) Chương trình mỗi xã một sản phẩm “OCOP”:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Lai Châu năm 2021 và xây dựng dự toán đề nghị bổ sung kinh phí triển khai Chương trình OCOP năm 2021.

- Tổ chức triển khai đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2021: Đợt 1 với 15 sản phẩm, kết quả có 13 sản phẩm đạt 3 sao; Đợt 2 với 61 sản phẩm, kết quả có 02 sản phẩm đạt trên 90 điểm, đủ điều kiện trình Hội đồng Đánh giá phân

hạng sản phẩm OCOP Trung ương, đánh giá sản phẩm 5 sao theo quy định của Chương trình, 01 sản phẩm đạt 4 sao và 45 sản phẩm đạt 3 sao. Tổng cả 02 đợt có 59 sản phẩm OCOP được công nhận, nâng tổng số sản phẩm OCOP toàn tỉnh lên 106 sản phẩm đạt từ 3-4 sao và 02 sản phẩm tiềm năng 5 sao.

Nhìn chung, đa số các sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm đặc sản, đặc trưng, truyền thống của địa phương, các chủ thể cũng đã bắt đầu quan tâm đến chất lượng, ATVS thực phẩm, có truy xuất nguồn gốc và bao bì nhãn mác theo quy định. Các sản phẩm bước đầu đã khơi dậy tiềm năng, thế mạnh về sản vật, vùng nguyên liệu và sử dụng lao động địa phương, đặc biệt là các sản phẩm đặc sản vùng miền. Các chủ thể đã thấy được lợi thế, cơ hội để phát triển và khai thác giá trị sản phẩm gắn với nét văn hóa truyền thống và điều kiện tự nhiên, góp phần chuyển đổi sản xuất theo hướng tăng quy mô gắn với chuỗi giá trị, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, một số địa phương và chủ thể còn nhiều lúng túng trong việc xây dựng và hoàn thiện hồ sơ, nên một số hồ sơ còn thiếu đồng bộ, chất lượng hồ sơ còn nhiều hạn chế, tài liệu minh chứng chưa rõ ràng, cụ thể, câu chuyện sản phẩm chưa hấp dẫn, chưa thể hiện được trí tuệ, bản sắc địa phương, cấu trúc câu chuyện đơn giản... Sự tham gia của các chủ thể chưa được chủ động, còn phụ thuộc nhiều và cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị tư vấn. Một số sản phẩm bao bì, nhãn mác không bắt mắt, chưa tạo ra được sự thu hút đối với người tiêu dùng, phần lớn các sản phẩm chưa có nhãn hiệu được chứng nhận.

5. Công tác Thủy lợi, Nước sạch VSMT và phòng chống thiên tai

- Thường xuyên phối hợp chỉ đạo tu sửa hệ thống các CTTL, nạo vét kênh mương để đảm bảo phục vụ sản xuất; đồng thời đánh giá hiện trạng, hoạt động các công trình hiện có, công tác đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng các công trình, tình hình thực hiện nguồn vốn thủy lợi phí, nguồn sự nghiệp duy tu sửa chữa các công trình thủy lợi; tình hình thực hiện nguồn vốn hỗ trợ sản phẩm dịch vụ thủy lợi, nguồn sự nghiệp duy tu sửa chữa các công trình thủy lợi; tình hình hoạt động của các ban thủy lợi xã, tổ thủy lợi bản.

- Đa phần các địa phương đã lồng ghép nhiệm vụ kết hợp quản lý cả công trình thủy lợi và cấp nước nông thôn cho các ban, tổ. Đến nay, 104 xã, phường, thị trấn đã thành lập và kiện toàn lại ban quản lý thủy lợi; thành lập 688 tổ tại các bản (mỗi tổ từ 3 - 5 thành viên).

- Trong năm đã toàn tỉnh đã đầu tư xây mới 04 công trình thủy lợi với tổng mức đầu tư 110.000 triệu đồng; Đầu tư sửa chữa, nâng cấp 110 công trình với tổng mức đầu tư 65.000 triệu đồng; Xây mới 15 km kênh mương; Kiên cố hóa 25 km từ kênh đất lên kênh bê tông. Kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng 01 công trình.

- Đến nay, toàn tỉnh có 985 công trình trong đó có 05 hồ chứa, 980 công trình tưới tự chảy. Công ty thủy nông tỉnh quản lý 95 công trình, các công trình

còn lại do các huyện, thành phố quản lý. Công trình kiên cố là 869 công trình; Công trình tạm là 116 công trình. Tổng chiều dài kênh mương là: 2.190 km trong đó có 1.725 km kiên cố, 465 km kênh tạm.

- Nhờ làm tốt công tác phòng chống hạn hán kết hợp với việc sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm nên diện tích sản xuất vụ Đông Xuân 2020 - 2021 được đảm bảo nước tưới từ công trình thủy lợi là 6.607 ha, tăng 50 ha so với vụ Đông Xuân năm 2019 - 2020.

- Toàn tỉnh có khoảng 805 công trình cấp nước cho 54.251 hộ dân với 255.850 nhân khẩu, chiếm 72,5% dân số nông thôn, trong đó: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 87,0% %. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến hết năm 2021 đạt 82,5%.

- Đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt năm 2021 cho khoảng 50 công trình với tổng mức đầu tư trên 80 tỷ đồng bằng các nguồn vốn ngân sách huyện, nông thôn mới, 30a, 135 và nhân dân đóng góp, WB, khắc phục bão lũ... do Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn, UBND huyện, Phòng Kinh tế & Hạ tầng và UBND các xã làm chủ đầu tư.

- Thực hiện tiêu hợp phần cấp nước cho cộng đồng dân cư thuộc Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2020: Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng được 05 công trình cấp nước khởi công mới năm 2020, phục vụ cấp nước cho trên 2.125 hộ dân, trường học, trạm y tế, UBND xã. Thực hiện Kế hoạch 08/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh Lai Châu, đã chủ động phối hợp chính quyền địa phương, các đơn vị có liên quan. Tổ chức lập thẩm định trình phê duyệt 05 công trình cấp nước tập trung. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, triển khai khởi công mới 05 công trình cấp nước tập trung tại các huyện Tân Uyên, Mường Tè, Nậm Nhùn, Tam Đường với tổng mức đầu tư 71 tỷ đồng, cấp nước cho trên 3.631 hộ dân, Ước đến 31/12/2021 có 04 công trình sẽ hoàn thành 100% khối lượng; 01 dự án hoàn thành 50% khối lượng, dự kiến hoàn thành giải ngân vốn được cấp phát trước 31/01/2021.

- Tổng kinh phí chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn năm 2020: Vốn đầu tư được phân bổ 31.374 triệu đồng trong đó vốn Trung ương cấp phát 25.697 triệu đồng; vốn tỉnh vay lại 3.177 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách tỉnh 2.500 triệu đồng; kinh phí được cấp phát đến nay là 2.500 triệu đồng, giải ngân: 2.500 triệu đồng. Vốn sự nghiệp phân bổ là 220 triệu đồng, đã giải ngân 75 triệu đồng.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 87%, tăng 1,8 điểm % so với năm 2020, đạt 100% KH. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 82,5%, tăng 1,5% so với năm 2020, đạt 100% KH.

- Về công tác PCTT và tìm kiếm cứu nạn: Nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chức năng được giao là Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã xảy ra một số đợt thiên tai (02 đợt rét đậm, rét hại, 01 đợt mưa đá, dông, lốc, 13 đợt mưa lớn) gây ảnh hưởng đến tài sản nhà nước và nhân dân, ước tổng thiệt hại trên 43 tỷ đồng⁽¹⁰⁾

Ngay sau khi thiên tai xảy ra, đoàn công tác của UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh đã khẩn trương trực tiếp xuống hiện trường chỉ đạo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Trước tình hình thiên tai trên địa bàn, các cấp chính quyền đã huy động các lực lượng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả trên địa bàn theo phương châm “4 tại chỗ” bao gồm lực lượng thường trực và lực lượng dân quân xung kích cấp xã (1.400 người). Kịp thời động viên, hỗ trợ và giúp đỡ gia đình có người bị thương, bị thiệt hại về tài sản⁽¹¹⁾. Tiến hành kiểm tra, rà soát thiệt hại, hướng dẫn khắc phục sản xuất vụ Đông xuân, Xuân hè đảm bảo theo kế hoạch. Chỉ đạo tổ chức phân luồng giao thông, cấm biển cảnh báo, chỉ đạo các đơn vị thi công hót sạt, sạt thông tuyến đảm bảo giao thông trên các tuyến đường. Các công trình cơ sở hạ tầng bị thiệt hại do thiên tai gây ra từ đầu năm đến nay đã được các đơn vị chủ quản và UBND các huyện, thành phố chủ động bố trí kinh phí và khắc phục; Đường giao thông bị thiệt hại đã được các đơn vị quản lý kịp thời sửa chữa và thông tuyến tạm, đảm bảo đi lại tối thiểu của nhân dân.

6. Công tác quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản

- Đẩy mạnh tổ chức truyền truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, kỹ thuật sản xuất, chế biến, bảo quản về an toàn thực phẩm đến cán bộ người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng bằng nhiều hình thức như các tin, bài, phóng sự, tờ gấp, tờ rơi, tập huấn, xây dựng mô hình sản xuất an toàn thực phẩm. Phối hợp với đài truyền hình, Đài phát thanh hướng dẫn tin bài về kỹ thuật sản xuất thực phẩm an toàn; 10 chuyên mục trong chương trình Bận của nhà nông trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Tuyên truyền, phổ biến cho 148 cơ sở thu gom, giết mổ, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm và cung ứng thực phẩm tại các huyện Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về điều kiện vệ sinh ATTP trong sản xuất, kinh doanh.

⁽¹⁰⁾ - Về người: 13 người bị thương (6 người bị sét đánh, 4 người bị cây gãy trúng, 3 người bị sạt lở đất).

- Về tài sản: 528 ngôi nhà bị ảnh hưởng, thiệt hại, trong đó: 14 nhà thiệt hại hoàn toàn trên 70%; 40 nhà thiệt hại rất nặng từ 50%-70%; 50 nhà thiệt hại nặng từ 30%-50%; 408 nhà thiệt hại một phần dưới 30%; 11 nhà bị ngập nước; 76 nhà phải di dời khẩn cấp. Về sản xuất nông nghiệp: 41ha lúa, 19ha hoa màu, 103ha cây trồng hằng năm, 234ha cây lâu năm, 83ha cây ăn quả; 116 cây xanh đô thị bị gãy, đổ. Có 209 con gia súc, 532 con gia cầm bị chết; 12 chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bị ảnh hưởng hư hỏng. Về cơ sở hạ tầng: 30 công trình Thủy lợi, 02 công trình nước sinh hoạt bị hư hỏng; 6 điểm trường bị ảnh hưởng một phần; một số tuyến đường giao thông bị sạt, lở gây tắc nghẽn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới giao thông.

⁽¹¹⁾ Tổng kinh phí hỗ trợ, khắc phục hậu quả do thiên tai là 8,89 tỷ đồng (trong đó: hỗ trợ về dân sinh 4,298 tỷ đồng, hỗ trợ khôi phục sản xuất 20 triệu đồng, hỗ trợ khắc phục cơ sở hạ tầng thiết yếu 4 tỷ đồng, hỗ trợ di dân tái định cư 565 triệu đồng).

- Tổ chức được 03 cuộc kiểm tra, giám sát trong dịp tết Nguyên đán Tân Sửu, tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2021, dịp Tết Trung Thu tại 231 lượt cơ sở. Qua hoạt động thanh tra ATTP cho thấy ý thức chấp hành pháp luật về vệ sinh ATTP của các cơ sở ngày càng được nâng lên, chấp hành và duy trì điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. 01 cuộc rà soát, thống kê được 196 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh. Trong quá trình kiểm tra, giám sát đã tiến hành lấy 45 mẫu phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, kết quả: có 40 mẫu âm tính với các chỉ tiêu phân tích; 05 mẫu thịt lợn dương tính vi khuẩn Salmonella, E.coli. Tổ chức 02 cuộc thẩm định, đánh giá định kỳ điều kiện ATTP theo kế hoạch 74 cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản, trong đó có 29/59 cơ sở xếp loại A (chiếm 21,1%); 30/59 cơ sở xếp loại B (chiếm 60,5%) (15/74 cơ sở tạm dừng hoạt động).

Tuy nhiên công quản lý chất lượng còn một số tồn tại như: Công tác ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn đối với cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận ATTP tại các huyện tuy đã được triển khai thực hiện, nhưng số cơ sở được ký cam kết chưa nhiều và các huyện chưa thực hiện việc kiểm tra ký cam kết theo quy định. Sự liên kết giữa các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản chưa được quan tâm.

7. Thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất

- Hỗ trợ giống lúa thuần: Diện tích hỗ trợ ước đạt 2.299 ha, đạt 31,1%KH; Khối lượng hỗ trợ ước đạt 151,8 tấn.

- Hỗ trợ giống ngô lai: Diện tích hỗ trợ ước đạt 6.686 ha, đạt 61,2%KH; Khối lượng hỗ trợ ước đạt 132,7 tấn.

- Hỗ trợ phát triển cây chè cho vùng nguyên liệu tập trung: 750 ha, đạt 110,3%KH, trong đó: Thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới giai đoạn 2020-2025 đạt 645 ha; Hỗ trợ phát triển và bảo tồn chè cổ thụ (thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới giai đoạn 2020-2025) đạt 59,8 ha.

- Hỗ trợ phát triển cây quế: Diện tích hỗ trợ 1.154 ha, đạt 115,4% KH, trong đó: thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới giai đoạn 2020-2025 đạt 783 ha.

- Hỗ trợ phát triển cây ăn quả và cải tạo vườn tạp: 287 ha, đạt 100,6%KH, trong đó: thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới giai đoạn 2020-2025 đạt 232 ha.

- Hỗ trợ chuyển đổi phương thức chăn nuôi và cải tạo đàn gia súc: Hỗ trợ xây dựng chuồng trại tập trung 1.687 con; Hỗ trợ trồng cỏ 31 ha.

- Hỗ trợ khai hoang ruộng nước: Diện tích hỗ trợ 465 ha, đạt 143,9%KH.

- Hỗ trợ vôi cải tạo đất ruộng: 1.274 ha, với 410 tấn vôi.

- Hỗ trợ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp: Hỗ trợ 1.521 máy làm đất.
- Hỗ trợ nuôi tôm, cá lồng: 390 lồng.
- Phát triển đường giao thông nội đồng vùng chè cổ thụ (thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới giai đoạn 2020-2025): Hỗ trợ 10 km đường nội đồng vùng chè cổ thụ.
- Xây dựng mô hình khuyến nông (thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới giai đoạn 2020-2025): Hỗ trợ 35 mô hình khuyến nông.
- Thực hiện Đề án phát triển một số cây dược liệu: Hỗ trợ cho tổng diện tích 120 ha cây dược liệu gồm: 50 ha Đương quy và 70 ha Actiso.

8. Tình hình thực hiện chương trình công tác năm 2021 và các đề án, nghị quyết của tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

8.1. Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Quyết định 423/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh về Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025.

- Đã triển khai gieo cấy được 100 ha lúa hàng hóa với các giống lúa đặc sản địa phương tại huyện Than Uyên; trồng mới 818 ha chè tập trung tại các huyện Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên, Sìn Hồ, Phong Thổ; 59,8 ha chè cổ thụ tại huyện Tam Đường, Tân Uyên, Phong Thổ; trồng mới 289 ha xoài tại huyện Phong Thổ, Than Uyên, Mường Tè, Tân Uyên; 20 ha cây chanh leo tại huyện Tam Đường; 66 ha chuối tại các huyện Phong Thổ, Tam Đường, Tân Uyên, Mường Tè; 1.154 ha quế; 350 ha cây gỗ lớn.

- Có 02 huyện triển khai thực hiện hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi trâu bò với số lượng 9.780m² chuồng, đang trong quá trình hoàn thiện và nghiệm thu (huyện Nậm Nhùn 2.940m², huyện Tân Uyên 6.840m²).

- Đã thực hiện hỗ trợ phát triển 590 thùng ong tại các huyện Tân Uyên, Than Uyên, Nậm Nhùn; hỗ trợ 50 lồng nuôi cá trên lồng hồ thủy điện tại huyện Nậm Nhùn

- Toàn tỉnh có 05 cơ sở (04 cơ sở trồng trọt, 01 cơ sở nuôi trồng thủy sản) áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong sản xuất với diện tích 62,7 ha và 7000 m³; 01 cơ sở áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ trong trồng chè với diện tích 25,96 ha; 04 cơ sở (02 cơ sở chế biến chè; 02 cơ sở sản xuất và kinh doanh nấm đông trùng hạ thảo) áp dụng tiêu chuẩn ISO trong sản xuất, chế biến; có 06 cơ sở ứng dụng nhà màng, nhà lưới trong sản xuất với quy mô 2,916 ha, 04 cơ sở có hệ thống tưới nhỏ giọt với quy mô 2,936 ha.

- Ban hành Hướng dẫn số 1490/HD-SNN ngày 29/7/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn nội dung thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025.

8.2. Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 03/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Quyết định 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh về Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030

Tổng diện tích trồng rừng mới ước đạt 1.804 ha, đạt 109,3% KH, trong đó:

- Rừng sản xuất 1.504 ha (Quê 1.154 ha tại: Tân Uyên 100 ha, Tân Uyên 104,1 ha, Phong Thổ 100 ha, Sìn Hồ 268 ha, Nậm Nhùn 202,2 ha, Mường Tè 379,6 ha.

- Gỗ lớn 350 ha tại Tân Uyên.

- Rừng phòng hộ 300 ha (tại các huyện: Tân Uyên 50, Phong Thổ 50, Sìn Hồ 100, Nậm Nhùn 50, Mường Tè 50), trong đó: Sơn tra 100 ha tại Sìn Hồ.

8.3. Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Dự án liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ cây Actiso tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu: Quy mô liên kết: Năm 2020 liên kết với 50 hộ dân với diện tích là 50ha; từ năm 2021 đến năm 2025 tăng bình quân 10% diện tích tại các xã vùng cao huyện Sìn Hồ.

+ Đối với diện tích thực hiện năm 2020: Quy mô diện tích thực hiện liên kết: 14,2ha với 48 hộ dân; hiện tại đã thu hoạch xong. Chủ đầu tư Dự án đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị nghiệm thu, thanh quyết toán gửi phòng Nông nghiệp và PTNT huyện thẩm định nghiệm thu theo quy định.

+ Kế hoạch triển khai thực hiện năm 2021: Đã khảo sát diện tích để mở rộng quy mô dự án và dự kiến triển khai trồng mới vào tháng 10-11/2021.

+ Tồn tại, vướng mắc: Quy mô, diện tích chưa đảm bảo theo Dự án đã được phê duyệt do công tác khảo sát diện tích khi xây dựng hợp đồng liên kết chưa sát với diện tích thực tế và một số hộ dân không trồng Actiso theo đúng diện tích đã đăng ký trong hợp đồng Dự án. Việc hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán nguồn vốn năm 2020 chậm.

- Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ quả Chanh leo trên địa bàn huyện Tân Uyên và Tam Đường: Quy mô liên kết 150ha.

+ Thực hiện năm 2020 đạt 32,51 ha (Tân Uyên 16,3ha và Tam Đường 16,21ha): năng suất ước đạt 25tấn/ha; hiện nay cây đang trong giai đoạn cắt tỉa

và chăm sóc, tuy nhiên một số diện tích đang bị sâu, bệnh gây hại như bệnh thối thân, loang dầu gây ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng phát triển của cây.

+ Năm 2021: Diện tích trồng mới năm 2021 (13,74ha) đang trong giai đoạn kiến thiết tạo tán, làm giàn.

+ Huyện Tam Đường Chủ trì liên kết đã gửi hồ sơ đề nghị thanh quyết toán tới Trung Tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Tam Đường thẩm định quyết toán theo quy định.

+ Tại huyện Tân Uyên: Chủ trì liên kết đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị thanh quyết toán.

* Tồn tại, vướng mắc Quy mô, diện tích chưa đảm bảo theo Kế hoạch liên kết đã được phê duyệt do công tác khảo sát diện tích khi xây dựng hợp đồng liên kết chưa sát với diện tích thực tế, một số hộ dân không trồng Chanh leo theo đúng diện tích đã đăng ký. Một số hộ dân chưa đầu tư phân bón, và vật liệu làm giàn theo tỷ lệ đối ứng nên một số diện tích Chanh leo tỷ lệ quả đạt theo tiêu chuẩn loại A thấp, một số diện tích giàn bị sập, gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm quả Chanh leo. Việc thu mua quả Chanh leo trên địa bàn huyện Tân Uyên còn có một số nội dung chưa thống nhất giữa các bên tham gia liên kết như việc thu mua, phân loại quả cộng với một số loại dịch hại nặng (bệnh loang dầu, thối thân) nên một số hộ dân chưa yên tâm tham gia liên kết dẫn đến tình trạng phá bỏ diện tích trồng Chanh leo và chuyển sang trồng cây trồng khác (Trung Đồng, Thị trấn, Mường Khoa). Việc hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán nguồn vốn năm 2020 chậm.

- Sở đã ban hành hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐND quy định chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

8.4. Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua đề án phát triển một số cây được liệu giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Đã tiến hành hỗ trợ cho tổng diện tích 120 ha cây dược liệu gồm: 50 ha Dương quy và 70 ha Actiso tại huyện Sìn Hồ.

8.5. Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2025

* Về trồng trọt:

- Cây lương thực: Diện tích thực hiện lúa đông xuân: 2.932 ha, năng suất đạt 57,94 tạ/ha, sản lượng 16.988 tấn; lúa mùa 15.532 ha, lúa nương 2.053 ha; ngô xuân hè 12.250 ha, ngô thu đông 1.161 ha.

- Cây ăn quả: Đã thực hiện trồng mới được 220,8 ha, trong đó chuối 14,5 ha, các loại cây ăn quả khác 206,3 ha. Đến nay cây sinh trưởng, phát triển bình thường.

- Cây chè: Diện tích trồng mới được 630,6 ha chè tập trung, 59,8 ha chè cổ thụ. Hạ tầng vùng chè: Hiện nay, huyện Sìn Hồ đang lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật (1km đường) và huyện Phong Thổ phê duyệt báo cáo KTKT (9 km đường), chờ phân bổ vốn chi tiết để thực hiện các bước tiếp theo.

** Về chăn nuôi:*

- Về chăn nuôi: Tổng đàn gia súc ước đạt 198.656 con (đàn trâu 57.736 con, đàn bò 14.410 con, đàn lợn 126.510 con). Tổng đàn gia cầm 752.969 con..

- Về thủy sản: Diện tích ao nuôi ước đạt 379 ha; thể tích nuôi cá lồng 50.870 m³; thể tích nuôi cá nước lạnh 2.087 m³ bể.

** Về lâm nghiệp:*

Trồng rừng phòng hộ: 189,3 ha; Trồng rừng sản xuất: 928,2 ha, trong đó: Trồng mới cây Quế: 783,23 ha; Trồng cây gỗ lớn: 144,92 ha.

8.6. Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 – 2025

- Ngân sách tỉnh giao thực hiện năm 2021 là 7.700 triệu đồng, các huyện, thành phố đã phân bổ chi tiết cho các xã và đang triển khai thực hiện.

- Hiện nay, bản Lao Chải xã Nùng Nàng đã triển khai trồng được 39 bồn hoa dọc hai bên đường chính trục bản tạo cảnh quan môi trường; đầu tư xây dựng thêm được 11 cột, 11 bóng, chiều dài 0,3 km điện sáng nông thôn; vận động được 4 hộ sửa chữa cải tạo nhà ở, 03 hộ xây dựng được nhà tiêu hợp vệ sinh; bản Bản Sì Thâu Chải xã Hồ Thầu triển khai hỗ trợ 4 hộ phục dựng nhà trình tường dân tộc Dao. Bản Thảm Phé xã Mường Kim đóng 01 thuyền phục vụ du lịch lòng hồ (thuyền 2 tầng), chỉnh trang nhà ở với 03 nhà sàn khung bê tông kiên cố; hỗ trợ nhân dân làm 28 lồng nuôi cá. Các bản còn lại đang triển khai thực hiện các nội dung: Bản Phúc Khoa xã Phúc Khoa trồng Muồng Hoàng Yến, Ban; xã Mường So trồng Nhãn; xã Sin Suối Hồ trồng địa lan; xã Xà Dề Phìn làm nhà trình tường; xã Mường Tè làm chòi dưng chân ngắm cảnh.

8.7. Nghị quyết số 51/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh về phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản số 71/UBND-KTN ngày 11/01/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết trên địa bàn tỉnh; ban hành Danh mục thu hút đầu tư trong lĩnh vực phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; Ban hành Văn bản số 149/HĐ-SNN ngày 27/01/2021 về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Các kết quả đạt được

- Tổng sản lượng lương thực có hạt 224.000 tấn, đạt 100,9% so với KH, tăng 2.200 tấn so với năm 2020, an ninh lương thực được đảm bảo.

- Tiếp tục mở rộng phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao (trồng mới thêm 818 ha, đạt 120,3% KH); diện tích, sản lượng chè không ngừng tăng, mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được duy trì và phát triển.

- Các chỉ tiêu về chăn nuôi, thủy sản đạt và vượt kế hoạch: Tổng đàn gia súc chính toàn tỉnh ước đạt 320.100 con, đạt 100,2%/KH; Tổng đàn gia cầm ước đạt 1.607 nghìn con, đạt 100%/KH. Diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt 976 ha, đạt 101,04% KH; thể tích nuôi cá nước lạnh đạt 20.087 m³, đạt 128% KH; Sản lượng nuôi trồng và đánh bắt tự nhiên ước đạt 3.300 tấn, đạt 103% KH.

- Diện tích rừng hiện có tiếp tục được bảo vệ tốt, tỷ lệ che phủ rừng được nâng lên đạt 51%, đạt 100% so với KH.

- Công tác nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tiếp tục được thực hiện tốt, đảm bảo 100% mục tiêu đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Tiến độ triển khai trồng mới cây ăn quả tại một số địa phương còn chậm và có khả năng đến hết tháng 12/2021 mới hoàn thành công tác trồng mới.

- Quy mô chăn nuôi trên địa bàn tỉnh chủ yếu nhỏ lẻ, hộ gia đình; quá trình chuyển đổi phương thức chăn nuôi diễn ra chậm; khả năng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế; việc hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất chưa nhiều, sản phẩm đầu ra sức cạnh tranh chưa cao. Tốc độ tăng đàn gia súc tuy đạt được kế hoạch nhưng vẫn chưa tương xứng với quy mô và khả năng tái đàn của người dân, doanh nghiệp, nhất là đàn lợn.

- Đầu ra cho sản phẩm cá đặc sản nuôi lồng, cá truyền thống chưa ổn định, giá thành sản xuất cao, chủ yếu tiêu thụ tại địa phương lượng cá thương phẩm còn tồn đọng tại các cơ sở còn nhiều (có thời điểm lên đến 300 tấn).

- Một số tiêu chí NTM giảm nhiều so với năm 2020, như: Thu nhập, Tỷ lệ hộ nghèo (nếu theo chuẩn mới giai đoạn 2022-2025); tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ trẻ em thể thấp còi chiều cao vẫn còn ở mức cao; cán bộ xã đạt chuẩn. Các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 tiến độ thực hiện còn chậm, khó đạt chuẩn.

2.2. Nguyên nhân

- Các doanh nghiệp đăng ký trồng mới cây ăn quả gặp nhiều khó khăn trong việc tập trung đất đai (chưa thống nhất được mức giá thuê đất).

- Giao thông đi lại khó khăn, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư, thu hút, huy động nguồn vốn trong dân đầu tư cho phát triển chăn nuôi còn hạn chế; các cơ sở sản xuất, cung ứng giống vật nuôi đảm bảo chất lượng chưa nhiều; nguồn con giống phần lớn nhập từ các tỉnh khác làm tăng giá thành sản

xuất và có nguy cơ làm dịch bệnh xâm nhập vào địa bàn tỉnh. Đặc biệt là năm 2021 tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc tiếp tục xảy ra, nhất là Dịch Tả lợn Châu Phi nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý chăn nuôi và khả năng tái đàn của người dân, doanh nghiệp.

- Chi phí sản xuất thủy sản và cước vận chuyển cao dẫn đến giá thành sản phẩm tăng, khó cạnh tranh về giá bán trên thị trường. Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản trong tỉnh rất thấp, phần lớn các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản chưa thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nên khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường. Mặt khác do ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19, hoạt động của các nhà hàng, quán ăn cầm chừng, đời sống sản xuất, kinh tế của người dân bị ảnh hưởng; việc hạn chế đi lại, phong tỏa để phòng chống dịch ở nhiều nơi dẫn đến việc tiêu thụ thủy sản và sản phẩm thủy sản cũng giảm theo, đặc biệt là tiêu thụ các loại cá có giá trị kinh tế cao.

- Nguyên nhân tiêu chí NTM giảm nhiều:

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế giảm mạnh khi thực hiện Quyết định Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Tiêu chí thu nhập: Do tình hình dịch bệnh Covid diễn ra thời gian dài nên ảnh hưởng đến lao động, việc làm và thu nhập của người dân.

+ Theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022-2025, nhiều tiêu chí đánh giá cao hơn so với giai đoạn 2016-2020, vì vậy qua rà soát tỷ lệ này đã tăng lên nhiều so với năm 2020.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2021

1. Các chỉ tiêu chủ yếu dự kiến hoàn thành

- Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 224.000 tấn, đạt 100,9% KH;
- Diện tích chè trồng mới đạt 818 ha, đạt 120,3% KH;
- Diện tích trồng mới cây ăn quả ước đạt 585 ha, đạt 100% KH;
- Tốc độ tăng đàn gia súc ước đạt 5%, đạt 100% KH;
- Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 1.300 tấn, đạt 103,1% KH;
- Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 51%, đạt 100% KH; Diện tích rừng trồng mới đạt 1.804 ha, đạt 109,3% KH;
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 87%, đạt 100% KH;
- Bình quân tiêu chí NTM đạt 15,9 tiêu chí/xã, đạt 100% KH.

2. Chỉ tiêu dự kiến không hoàn thành và nguyên nhân

- Diện tích khoanh nuôi tái sinh rừng ước đạt 10.757 ha, đạt 69,4% KH.

Nguyên nhân: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn nhiều khó khăn do bất cập trong văn bản quy định từ Trung ương. Mặt khác giá khoán nuôi tái sinh rừng theo quy định còn thấp (500.000 đồng/ha/2 lượt tác động) nên khó khăn trong việc huy động người dân tham gia khoán nuôi tái sinh rừng.

- Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới 39 xã (không đạt kế hoạch giao).

Nguyên nhân: Các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 tiến độ thực hiện còn chậm, khó đạt chuẩn trong năm với một số lý do chủ yếu sau:

+ Nguồn vốn Trung ương phân bổ thực hiện chương trình năm 2021, mới có vốn sự nghiệp toàn tỉnh 6.100 triệu đồng, chưa phân bổ vốn đầu tư, nguồn ngân sách tỉnh dành cho các xã dự kiến đạt chuẩn năm 2021 thấp (bình quân mỗi xã 650 triệu đồng), vì vậy các xã khó khăn trong việc hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt.

+ Tại thời điểm đăng ký đạt chuẩn (năm 2020), các xã còn nhiều tiêu chí chưa đạt; một số tiêu chí tuy đánh giá đã đạt nhưng vẫn chưa bền vững; Một số tiêu chí thành phần chưa phù hợp với điều kiện phát triển của Lai Châu, như tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch nông thôn; tạo cảnh quan môi trường; mức tăng tiêu chí thu nhập của năm sau cao hơn nhiều so với năm trước liền kề (bình quân tăng từ 3-4 triệu đồng/người/năm).

+ Một số nguồn lực chưa được bố trí (03 Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 chưa triển khai thực hiện). Trung ương chưa ban hành bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025, mức thu nhập hộ nghèo thay đổi lớn (tăng từ dưới 700.000 đồng/người/tháng lên dưới 1,5 triệu đồng/người/tháng) nên 03 xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2022

I. DỰ KIẾN BỐI CẢNH TRONG NƯỚC, TRONG TỈNH NĂM 2022

1. Thuận lợi

Trên địa bàn tỉnh, các chính sách, đề án, chương trình trọng điểm trong giai đoạn 2021-2025 tỉnh đã ban hành và bắt đầu tổ chức thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sản xuất, thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh. Việc áp dụng khoa học công nghệ, mức độ cơ giới hóa, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến trong sản xuất, bảo quản, chế biến,...ngày càng tăng.

Sự đồng thuận, chung sức giữa nhà nước và nhân dân sẽ tiếp tục tạo ra sự chuyển biến trong nhận thức, tư duy và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tổ chức sản xuất, xây dựng nông thôn mới.

Quan hệ sản xuất sẽ tiếp tục có thay đổi tích cực, hình thức tổ chức sản

xuất theo hướng hàng hóa quy mô lớn, hợp tác, liên kết kép kín được hình thành và phát huy hiệu quả.

Tỉnh đã xác định được định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và hoạt động thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Với các chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn và các hoạt động xúc tiến thương mại, các hàng hóa đặc thù, chủ lực của tỉnh sẽ tiếp tục được các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, bao tiêu, phát triển.

Trong chăn nuôi người dân cũng đã dần nhận thức được việc thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh thú y, công tác chủ động dự trữ thức ăn và phòng chống đói, rét cho vật nuôi, thủy sản.

Lai Châu có tiềm năng về nguồn nước, khí hậu thuận lợi cho sự phát triển nuôi cá nước lạnh, tiềm năng diện tích mặt nước lớn tại các hồ thủy điện phát triển nghề nuôi cá lồng với việc tập trung phát triển loài có năng suất loài có giá trị kinh tế lớn: cá Chiên, cá Lăng, cá Rô phi đơn tính, cá Chép lai và cá Diêu hồng, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và trồng rừng mới tiếp tục được thực hiện nên vẫn sẽ tạo cho người dân sinh kế ổn định bằng nghề rừng, yên tâm bảo vệ, chăm sóc phát triển rừng, làm cơ sở cho diện tích rừng được giữ vững và ngày một nâng lên.

2. Khó khăn

Diễn biến tình hình dịch Covid-19 còn phức tạp, khó lường; thời tiết diễn biến bất thường; những khó khăn nội tại của tỉnh về điều kiện kinh tế - xã hội, về nguồn lực phát triển,... sẽ tiếp tục là những thách thức không nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2022.

Trong nước, ngành nông nghiệp đối mặt với nhiều thách thức khi Việt Nam ký kết 2 hiệp định thương mại tự do: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA), đó chính là các yêu cầu về tiêu chuẩn cao, tăng sức ép cạnh tranh cho toàn bộ nền kinh tế quốc gia, khu vực và toàn cầu.

Tỉnh Lai Châu với phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở khu vực vùng sâu, vùng xa nên cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại gặp rất nhiều khó khăn, tập quán canh tác còn lạc hậu, quy mô chủ yếu nhỏ lẻ, phân tán mang tính chất hộ gia đình, tự cung tự cấp; trình độ kỹ thuật của người dân còn hạn chế, việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa nhiều, đặc biệt là chưa dám mạnh dạn đầu tư trong sản xuất... nên vẫn sẽ còn những rào cản chưa thể nhanh chóng khắc phục để mang lại hiệu quả cao.

Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, các mặt hàng nông sản trong

tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng khốc liệt, đặc biệt yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Do vậy đây vẫn sẽ là thách thức lớn trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa của tỉnh.

Tỉnh đã có chính sách hỗ trợ, đầu tư cho phát triển ngành nhưng nhìn chung một số điều kiện để được hưởng ưu đãi, hỗ trợ còn chưa phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nên sẽ chưa mang lại được hiệu quả tức thời.

Trong những năm gần đây, sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản chịu nhiều nguy cơ rủi ro do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết khí hậu cực đoan (rét đậm, rét hại, mưa lũ, sạt lở đất...) nên năm tới đây vẫn còn là vấn đề khó chủ động khắc phục và vẫn có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành các mục tiêu.

Sau các năm 2020, 2021 ngành chăn nuôi bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Tả lợn Châu Phi, đàn lợn giảm mạnh, nguồn lực đầu tư cho phát triển chăn nuôi, thủy sản năm 2022 sẽ hạn chế, người dân dự kiến sẽ chưa mạnh dạn tái đàn, đầu tư vào chăn nuôi lợn, do đó công tác chăn nuôi dự báo sẽ có điểm chững nhất định. Mặt khác, trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở sản xuất thức ăn gia súc công nghiệp; cơ sở sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản đạt tiêu chuẩn chưa nhiều, đa phần do người chăn nuôi tự để giống nên chất lượng không cao, một số giống có giá trị kinh tế cao phải nhập từ các tỉnh khác, dẫn đến chi phí cho hoạt động sản xuất tăng, hiệu quả giảm.

II. MỤC TIÊU CHUNG

Năm 2022 là năm bản lề, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025. Do vậy cần tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng nông thôn mới trong năm 2022 đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2021 để tạo nền tảng cho các chỉ tiêu được giao của giai đoạn tới. Đồng thời giữ vững an ninh lương thực, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm; tăng cường thu hút đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp; nâng cao chất lượng cây trồng, vật nuôi, đi vào sản xuất nông nghiệp hàng hoá.

III. DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2022

- (1) Tổng sản lượng lương thực đạt 223.500 nghìn tấn.
- (2) Trồng mới chè vùng nguyên liệu tập trung 585 ha.
- (3) Cây ăn quả: Trồng mới 270 ha.
- (4) Tốc độ tăng đàn gia súc 5%.
- (5) Tổng sản lượng thủy sản đạt 3.690 tấn.
- (6) Diện tích rừng trồng mới 2.000 ha; Độ che phủ rừng 51,7%.
- (7) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước HVS: 88,5%.

(8) Bình quân tiêu chí nông thôn mới đạt 16,3 tiêu chí/xã.

IV. NHIỆM VỤ, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Trồng trọt

a) Đảm bảo an ninh lương thực

Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 223.500 tấn.

- Tổng diện tích lúa cả năm 31.424 ha, năng suất 47,8 tạ/ha, sản lượng 150.260 tấn, trong đó:

+ Lúa đông xuân: 6.777 ha, năng suất 55,6 tạ/ha, sản lượng 37.700 tấn.

+ Lúa mùa: 22.577 ha, năng suất 48,7 tạ/ha, sản lượng 109.970 tấn.

+ Lúa nương: 2.070 ha, năng suất 12,5 tạ/ha, sản lượng 2.590 tấn.

- Diện tích ngô cả năm 19.663 ha, năng suất 37,3 tạ/ha, sản lượng 73.240 tấn, trong đó:

+ Ngô xuân hè 16.564 ha, năng suất 37,4 tạ/ha, sản lượng 61.870 tấn.

+ Ngô thu đông 3.094 ha, năng suất 36,8 tạ/ha, sản lượng 11.370 tấn.

b) Cây công nghiệp và cây ăn quả

- Cây chè: Tổng diện tích chè: 9.198 ha, trồng mới 585 ha (chè tập trung 540 ha, chè cổ thụ 45 ha), diện tích chè kinh doanh 6.931 ha, sản lượng chè búp tươi 48.000 tấn.

- Cây ăn quả 8.562 ha, trồng mới 270 ha, sản lượng 60.000 tấn.

- Cây cao su: Duy trì tổng diện tích cao su 12.951 ha, diện tích đưa vào khai thác mủ cao su 9.290 ha, sản lượng 10.084 tấn mủ khô.

2. Phát triển chăn nuôi, thủy sản

- Tổng đàn gia súc chính toàn tỉnh đạt 336.100 con, trong đó: Đàn trâu 92.660 con, đàn bò 22.840 con, đàn lợn 220.600 con); Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc 5%/năm. Tổng đàn gia cầm 1.680 nghìn con. Sản lượng thịt các loại đạt 16,5 nghìn tấn (trong đó thịt lợn 11,6 nghìn tấn).

- Diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt toàn tỉnh dự kiến ước đạt 983 ha; thể tích nuôi cá lồng dự kiến đạt 158.000 m³. Thể tích nuôi cá nước lạnh, dự kiến: 20.087 m³ (30 cơ sở nuôi, trong đó 11 cơ sở bể kiên cố bằng bê tông và 19 cơ sở nuôi lót bạt tạm thời).

- Sản lượng nuôi trồng và đánh bắt thủy sản dự kiến đạt 3.690 tấn, trong đó: Sản lượng nuôi ao, nuôi lồng 3.256 tấn; sản lượng nuôi cá nước lạnh 190 tấn; sản lượng khai thác 245 tấn.

3. Phát triển Lâm nghiệp

- Tỷ lệ độ che phủ rừng ước đạt 51,7%;

- Trồng rừng mới 2.000 ha, trong đó: Rừng sản xuất 1.800 ha (quế 1.100 ha; gỗ lớn 700 ha), rừng phòng hộ 200 ha; Trồng mới cây mắc ca 1.400 ha;
- Khoán bảo vệ rừng 449.396 ha; Khoanh nuôi rừng tái sinh 14.777 ha.

4. Xây dựng nông thôn mới; Nước sạch VSMT

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tập trung triển khai xây dựng nông 94/94 xã. Duy trì các tiêu chí đã đạt của 39 xã đã đạt chuẩn; tập trung nguồn lực để nâng cao các tiêu chí của các xã chưa đạt chuẩn, nhất là các tiêu chí khó đạt như: Thu nhập, hộ nghèo, môi trường... Phân đầu: Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 23 xã; Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 32 xã; Bình quân tiêu chí trên xã: 16,3 tiêu chí/xã.

- Chỉ tiêu về dân số nông thôn sử dụng nước HVS: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 88,5%; Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 85%.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Trồng trọt

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ, phát triển các mô hình sản xuất hữu cơ, sản xuất sạch, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung vào các loại cây trồng chủ lực của tỉnh đã được xác định để hướng đến xuất khẩu và đẩy mạnh tiêu thụ tại các thị trường ngoài tỉnh góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Chủ động tham mưu chỉ đạo sản xuất, đẩy mạnh mối liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và người dân

- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết để điều chỉnh kế hoạch sản xuất (thời vụ gieo trồng, cơ cấu và diện tích cây trồng), đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại do diễn biến bất thường của thời tiết. Thực hiện đầu tư thâm canh, tăng vụ lúa, ngô ở các vùng có điều kiện.

- Tăng cường công tác DTDB, chỉ đạo phòng trừ dịch hại, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của sâu, bệnh hại đến năng suất, chất lượng cây trồng.

- Tập trung chỉ đạo đầu tư thâm canh, chăm sóc, diện tích chè đã trồng nhằm tăng năng suất, sản lượng; tăng cường kiểm tra chất lượng giống chè để phục vụ cho trồng chè mới năm 2022; thực hiện tốt quản lý vùng nguyên liệu chè tập trung, tăng cường mối liên kết giữa: Nhà nước - Doanh nghiệp - Nông dân trong sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gia tăng.

- Cây cao su: Tập trung chăm sóc diện tích cây cao su đã trồng, tiến hành khai thác mủ cao su đối với diện tích cho khai thác.

2. Chăn nuôi, thủy sản

Phát triển chăn nuôi theo quy mô tập trung, nhất là chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò), khắc phục những khó khăn trong chăn nuôi lợn, mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản lồng hồ và nuôi cá nước lạnh với các loại cá có giá trị kinh tế cao.

a) Chăn nuôi:

Tập trung phát triển nuôi con gia súc đã cho hiệu quả kinh tế cao, chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá trị cơ cấu ngành, đáp ứng nhu cầu thị trường và các loại đối tượng đặc sản phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái của tỉnh. Tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xử lý chất thải chăn nuôi như xây dựng hệ thống Biogas, sử dụng đệm lót sinh học tạo môi trường chăn nuôi an toàn, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản; ưu tiên khuyến khích các doanh nghiệp phát triển liên kết sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tạo điều kiện cho các HTX, trang trại nâng cấp, mở rộng quy mô hoạt động sản xuất. Tập trung phát triển HTX, trang trại chuyên sản xuất, cung ứng con giống đầu vào, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho người dân.

- Xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình phòng chống dịch bệnh động vật hàng năm, giai đoạn trên địa bàn tỉnh; tiếp tục nắm bắt diễn biến tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh nhất là các điểm dịch bệnh đã xảy ra, khu vực lân cận trên địa bàn tỉnh, khu vực có nguy cơ cao và các tỉnh giáp ranh.

- Triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật; phòng chống đói rét kịp thời, hiệu quả; cấp ủy chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động người chăn nuôi chủ động thực hiện công tác vệ sinh thú y trong chăn nuôi, tiêm phòng các loại vắc xin ngân sách nhà nước không hỗ trợ nhằm bảo đảm an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi.

b) Thủy sản:

Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước hiện có, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đánh bắt, khai thác thủy sản trên các hồ. Khuyến cáo rộng rãi cho nhân dân mở rộng những mô hình thủy sản đã thực hiện có hiệu quả để đưa vào nuôi trồng đại trà. Vận động nhân dân cải tạo, nạo vét ao chuồng, tu sửa diện tích ao bị thiệt hại, hư hỏng do thiên tai trong năm trước để đưa vào sản xuất.

- Đa dạng hoá đối tượng và phương pháp nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường; tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt

chế chất lượng giống thủy sản, thức ăn bảo đảm an toàn dịch bệnh. Kiểm tra việc chấp hành các quy định của Pháp luật về sản xuất, kinh doanh giống, thức ăn hóa chất và chế phẩm sinh học sử dụng trong Nuôi trồng thủy sản.

- Tiếp tục thả cá bổ sung tại các hồ chứa một số loài cá truyền thống, quý hiếm có giá trị kinh tế nhằm khôi phục nguồn lợi thủy sản, cân bằng hệ sinh thái; tập trung đầu tư đồng bộ hóa cơ sở vật chất kỹ thuật nhất là hệ thống thủy lợi, cơ sở sản xuất và nhân giống, đường điện, máy móc phục vụ các vùng nuôi; thu hút đầu tư vào lĩnh vực chế biến và xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm thủy sản.

3. Các chỉ tiêu về lâm nghiệp

Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, tăng cường khoanh nuôi tái sinh, trồng mới rừng. Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Nâng cao năng lực phòng chống, cháy rừng, đầu tư cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ nâng cao năng lực, chất lượng công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giống cây lâm nghiệp khi đưa vào thực hiện trồng rừng năm 2022.

- Bảo vệ diện tích rừng hiện có gắn với dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng quy định.

- Đôn đốc, chỉ đạo các Ban quản lý rừng phòng hộ chủ động chuẩn bị vật tư, lựa chọn các loại giống (quế, cây gỗ lớn) có chất lượng để phục vụ đủ nhu cầu trồng rừng năm 2022 đạt hiệu quả đúng thời vụ.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức và nội dung thiết thực nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR trong cộng đồng dân cư.

4. Các chỉ tiêu về nước sinh hoạt VSMT nông thôn

Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, từng bước xã hội hoá việc đầu tư phát triển và quản lý khai thác sử dụng các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn nông thôn. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước kết hợp với nguồn vốn của địa phương, vốn góp của dân đầu tư các công trình cấp nước sạch nông thôn, theo hình thức tập trung hiện đại hoá, do dân quản lý khai thác.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình nước sinh hoạt hiện có. Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư tập trung sửa các công trình đã xuống cấp và chỉ đầu tư xây dựng mới ở những địa bàn thực sự cần thiết.

- Phối hợp với UBND các huyện, Thành phố trong công tác quản lý sau đầu tư thực hiện các giải pháp nhằm từng bước khôi phục các công trình hoạt động kém hiệu quả, công trình không hoạt động.

5. Các chỉ tiêu về nông thôn mới

Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huy động các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng - xã hội vùng nông thôn, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển kinh tế du lịch, mỗi xã một sản phẩm,... Tiếp tục củng cố nâng cao các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn; không ngừng cải thiện cuộc sống người dân nông thôn.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn; tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới.

- Huy động tổng hợp, xã hội hóa nguồn lực, ưu tiên ngân sách để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện tối đa cho nông dân phát triển kinh tế, có tích lũy để tái sản xuất mở rộng và đầu tư phát triển; chủ động phát huy hiệu quả nguồn lực tại chỗ; khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò quản lý của các cấp chính quyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát huy sức mạnh các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn.

Trên đây là báo cáo tổng kết ngành nông nghiệp năm 2021, triển khai kế hoạch năm 2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT;
- Đài PT&TH; Báo Lai Châu;
- Cục thống kê tỉnh;
- Ngân hàng NN Chi nhánh Lai Châu;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các huyện, thành phố;
- Lưu VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Châu